

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/LĐ-ST
Ngày: 28 - 6- 2024.
Về việc: “Tranh chấp tiền lương”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ánh Sáng - Cán bộ hưu trí;
2. Bà Trần Thị Hồng Phượng - Ủy viên thường vụ - Liên đoàn lao động huyện Long Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 10/2023/TLST-LĐ ngày 16/10/2023 về việc “Tranh chấp tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-LĐ ngày 03/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-LĐ ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: B (05.04), chung cư L, P. A, quận B, TP ..

- Bị đơn: Công ty cổ phần S.

Đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị P - Tổng giám đốc.

Địa chỉ: KCN L, đường số A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Đức A trình bày:

Anh Nguyễn Đức A làm việc tại Công ty CP S (Công ty) từ ngày 01/6/2022, giữa anh và Công ty có ký hợp đồng lao động 0384/HĐLĐ-SMT ngày 01/6/2022, hợp đồng không xác định thời hạn; thời gian bắt đầu làm việc: ngày 01/6/2022; chức danh chuyên môn: chuyên viên R&D thuộc phòng kinh doanh viễn thông; Tiền lương chính: 30.300.000 đồng, mức lương nói trên là lương gộp, chưa trừ thuế thu nhập cá nhân và các khoản chi trả bắt buộc theo pháp luật (nếu có); Hình thức trả lương: Tiền mặt hoặc chuyển khoản; Thời gian trả lương: Một lần từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng; L làm thêm giờ và làm việc ban đêm sẽ được tính thêm theo quy định pháp luật và nội quy lao động.

Đến ngày 01/11/2022 giữa anh và Công ty CP S ký tiếp phụ lục hợp đồng lao động số 0384-PLHĐLĐ-SMT nội dung thay đổi thành tiền lương chính: 7.014.000 đồng; Tiền lương và hiệu quả công việc (lương KPI): 23.286.000 đồng/tháng nếu tỉ lệ hoàn thành KPI của người lao động 100%, nếu công ty chưa đánh giá KPI thì tính KPI đạt 100%.

Trong quá trình làm việc từ tháng 6/2022 đến tháng 12/2022 anh luôn hoàn thành công việc được giao, không bị kỷ luật hay vi phạm nội quy, quy chế của công ty, tỉ lệ hoàn thành hiệu quả công việc (KPI) hàng tháng của anh đều đạt 100%. Tháng 6/2022 công ty trả lương cho anh đầy đủ, cụ thể là lương thực lãnh của anh là: (30.300.000đ + 1.505.000đ phụ cấp xăng xe, tiền ăn, tiền điện thoại) - 3.847.100đ BHYT, BHXH, BHTN, thuế TNCN = 27.957.900đ

Ngày 15/7/2022, công ty CP S tự ý ban hành thông báo số 44/2022/QĐ-TGD về việc điều chỉnh mức lương CBNV hưởng lương trọn tháng theo hợp đồng lao động, theo đó từ 01/7/2022 đến 31/12/2022 công ty giữ lại 25% lương của anh với lý do tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn và cam kết công ty sẽ bổ sung vào cuối năm. Thông báo trên công ty không lập biên bản thoả thuận với người lao động mà công ty tự quyết định ra thông báo và gửi qua địa chỉ gmail cho người lao động. Việc công ty tự ý giữ lại 25% lương/tháng của anh là trái với quy định pháp luật. Không đồng ý với việc công ty giữ lại 25% lương nên ngày 22/12/2022 anh có làm đơn khiếu nại về việc yêu cầu công ty hoàn trả phần lương tạm giữ theo hợp đồng lao động nhưng công ty không có ý kiến phản hồi cho anh.

Ngoài ra, tháng 12/2022 công ty tự ý giảm lương của anh từ 30.300.000 đồng về mức tổng 18.000.000 đồng/tháng là không có căn cứ vì giữa anh và công ty không có thoả thuận nào về việc giảm tiền lương xuống còn 18.670.000 đồng/tháng, anh vẫn làm việc đủ tháng và không có vi phạm nội quy, quy chế nào của công ty, mức độ hoàn thành công việc (tỉ lệ hoàn thành KPI) đạt 100%. Không đồng ý với cách làm việc của công ty nên anh nghỉ việc tại Công ty từ ngày 01/01/2023 theo biên bản thoả thuận chấm dứt hợp đồng lao động ngày 29/12/2022 và Quyết định số 130B/2022/QĐ-TGD ngày 29/12/2022.

Nay anh yêu cầu công ty cổ phần S phải trả cho anh 25% tiền lương mà công ty đang giữ của anh từ tháng 7/2022 đến tháng 11/2022 và tiền lương còn thiếu của tháng 12/2022 cụ thể như sau:

25% lương của tháng 7/2022: $25\% \times 30.300.000 \text{ đồng} = 7.575.000 \text{ đồng}$.

25% lương của tháng 8/2022: $25\% \times 30.300.000 \text{ đồng} = 7.575.000 \text{ đồng}$.

25% lương của tháng 9/2022: $25\% \times 30.300.000 \text{ đồng} = 7.575.000 \text{ đồng}$.

25% lương của tháng 10/2022: $25\% \times 30.300.000 \text{ đồng} = 7.575.000 \text{ đồng}$.

25% lương của tháng 11/2022: $25\% \times 30.300.000 \text{ đồng} = 7.575.000 \text{ đồng}$.

Tổng: $7.575.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} = 37.875.000 \text{ đồng}$

Lương tháng 12/2022 còn thiếu: $30.300.000 \text{ đồng} - 18.670.000 \text{ đồng} = 11.630.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lương anh yêu cầu Công ty cổ phần S phải trả 49.505.000 đồng. Anh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu công ty trả lãi số tiền 3.884.167 đồng và 795.000 đồng tiền lương chênh lệch.

Bị đơn Công ty cổ phần S:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các quyết định của Tòa án nhưng bị đơn Công ty cổ phần S không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu công ty cổ phần S thanh toán tiền lương còn thiếu của tháng 7,8,9,10,11,12/2022 với tổng số tiền là 49.505.000 đồng; đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi 3.884.167 đồng và 795.000 đồng tiền lương chênh lệch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Đức A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán tiền lương còn thiếu trong thời gian làm việc. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp tiền lương” theo Điều 90 Bộ luật lao động, khoản 5 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là Công ty cổ phần S có trụ sở tại địa chỉ tại: KCN L, đường số A, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bị đơn theo quy định tại điểm khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về trình tự, thủ tục hòa giải: Tranh chấp được cơ quan quản lý lao động huyện L, tỉnh Đồng Nai tổ chức hòa giải tại biên bản ngày 20/3/2023, trước khi khởi kiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 188 của Bộ luật lao động. Do đó, anh Đức A có quyền khởi kiện tranh chấp lao động tại Tòa án theo quy định tại Điều 32, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Đức A yêu cầu Công ty cổ phần S1 phải thanh toán 25% lương của các tháng 7,8,9,10,11/2022 là 37.875.000 đồng và lương còn thiếu của tháng 12 là 11.630.000 đồng, tổng cộng là 49.505.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có nghĩa vụ cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

Anh Nguyễn Đức A cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu

cầu khởi kiện bao gồm: Hợp đồng lao động số 0384/HĐLĐ-SMT ngày 01/6/2022; Phụ lục hợp đồng lao động số 0384-PLHĐLĐ-SMT ngày 01/1/2022; Thông báo số 44/2022/QĐ-TGD ngày 15/7/2022 về việc điều chỉnh mức lương CBNV hưởng lương trọn tháng theo HĐLĐ; Sao kê tài khoản của anh Nguyễn Đức A từ 01/7/2022 đến 31/12/2022; Phiếu lương của anh Nguyễn Đức A từ tháng 6/2022 đến tháng 12/2022.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã nhiều lần triệu tập Công ty cổ phần S đến Tòa án để làm việc, mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty cổ phần S vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Hợp đồng lao động 0384/HĐLĐ-SMT ngày 01/6/2022 và phụ lục hợp đồng lao động số 0384-PLHĐLĐ-SMT được xác lập bằng văn bản do người lao động và người đại diện theo pháp luật của người sử dụng lao động ký tên đóng dấu, các điều khoản thoả thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 21, 22, 23 Bộ luật lao động nên xác định hợp đồng được giao kết hợp pháp theo quy định và có hiệu lực từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Từ đó có cơ sở để xác định lương hàng tháng của anh Đức A là 30.300.000 đồng/tháng, 25% lương hàng tháng tương đương với 7.575.000 đồng; Căn cứ vào phiếu lương các tháng 7, 8, 9, 10, 11 năm 2022 và sao kê tài khoản của anh Đức A cho thấy Công ty mới trả cho anh Đức A 75% trên số tiền 30.300.000 đồng/tháng, còn giữ lại của anh Đức A 25% trên số tiền 30.300.000 đồng/tháng từ tháng 7 đến tháng 11/2022 tương đương số tiền 7.575.000 đồng x 5 tháng = 37.875.000 đồng.

Đối với tiền lương tháng 12/2022, Hội đồng xét xử xét thấy giữa Công ty và anh Đức A không có văn bản nào thoả thuận mức lương của anh Đức A giảm từ 30.300.000 đồng xuống 18.670.000 đồng, ngoài ra cũng không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện anh Đức A làm việc không trọn tháng 12/2022. Do đó việc công ty chỉ trả lương cho anh Đức A ở mức 18.670.000 đồng là không đúng theo thoả thuận tại hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng lao động đã ký.

Việc công ty giữ lại 25% lương/tháng của anh Đức A từ tháng 7/2022 đến tháng 11/2022 và tiền lương còn thiếu của tháng 12/2022 là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 94, khoản 1 Điều 95, khoản 2, 4 Điều 97 Bộ luật lao động.

Điều 94 Bộ luật lao động quy định: Nguyên tắc trả lương

1. Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động....

Điều 95 Bộ luật lao động quy định: Trả lương

1. Người sử dụng lao động trả lương cho người lao động căn cứ vào tiền lương đã thoả thuận, năng suất lao động và chất lượng thực hiện công việc.

Điều 97 Bộ luật lao động quy định: Kỳ hạn trả lương.

2. Người lao động hưởng lương theo tháng được trả một tháng một lần hoặc nửa tháng một lần. Thời điểm trả lương do hai bên thoả thuận và phải được ấn định vào một thời điểm có tính chu kỳ.

4. Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng không thể trả lương đúng hạn thì không được

chậm quá 30 ngày....

Do đó, anh Đức A khởi kiện yêu cầu công ty cổ phần S phải thanh toán cho anh 25% lương của tháng 7,8,9,10,11/2022 là 37.875.000 đồng và lương còn thiếu của tháng 12 là 11.630.000 đồng, tổng cộng là 49.505.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Việc ngày 07/5/2024, anh Nguyễn Đức A có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty cổ phần S về số tiền số tiền lãi 3.884.167 đồng và 795.000 đồng tiền lương chênh lệch là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 đình chỉ xét xử, không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty cổ phần S phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.485.150 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng).

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 90, Điều 94, 95 và Điều 97 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức A về việc “Tranh chấp tiền lương”.

Buộc Công ty cổ phần S phải thanh toán cho anh Nguyễn Đức A số tiền 49.505.000 đồng (bốn mươi chín triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức A đối với Công ty cổ phần S về việc yêu cầu Công ty cổ phần S thanh toán số tiền lãi 3.884.167 đồng và 795.000 đồng tiền lương chênh lệch.

3. Về án phí: Công ty cổ phần S phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.485.150 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn một trăm năm mươi đồng)

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức A, Công ty cổ phần S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bên có nghĩa vụ thi hành xong nghĩa vụ trả tiền, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận

thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- THADS H. Long Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nhật Lệ